

Số: 06/2024/QĐST-KDTM

H, ngày 29 tháng 5 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2024/TLST-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên M ( Tên gọi mới là Công ty Cổ phần M theo Thông báo số 01 ngày 19/4/2024 về việc thay đổi mô hình đăng ký doanh nghiệp, giới thiệu mẫu chữ ký và mẫu con dấu của Công ty).

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, D, Cầu G, TP .

Người đại diện theo pháp luật: Bùi Công T – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Cao Duy T1 – Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ miễn B.

Theo Văn bản ủy quyền số 161/2024/UQ-MARS ngày 14/03/2024.

Người được ủy quyền lại: Bà **Tống Thị L** – Chuyên viên xử lý nợ

Theo văn bản ủy quyền số 310/2024/UQ – MARS ngày 28/3/2024.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1986

Ông **Lê Văn P**, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: **Thôn P, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**

Bà **Nguyễn Thị G** uỷ quyền cho ông **Lê Văn P** tham gia tố tụng tại Toà án theo giấy uỷ quyền ngày 02/5/2024.

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về số tiền nợ: Các bên thỏa thuận: Tính đến ngày 21/5/2024 bà **Nguyễn Thị G** và ông **Lê Văn P** còn nợ **Công ty cổ phần M** tổng số tiền là: 632,673,068 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng*), trong đó nợ gốc: 530,000,000 đồng (*năm trăm ba mươi triệu đồng*); nợ lãi: 102,673,068 đồng (*một trăm linh hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn không trăm sáu mươi tám đồng*).

2.2. Về thời hạn trả nợ: Kể từ thỏa thuận (21/5/2024) đến ngày 21/6/2024 ông **Lê Văn P** và bà **Nguyễn Thị G** có trách nhiệm thanh toán cho **Công ty cổ phần M** toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 21/5/2024 là nợ gốc: 530,000,000 đồng; nợ lãi: 102,673,068 đồng. Tổng cộng: 632,673,068 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận (ngày 22/5/2024) bà **G**, ông **P** còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bà **Nguyễn Thị G** và ông **Lê Văn P** không trả nợ toàn bộ số tiền như đã thỏa thuận trên và kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì bên được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho **Công ty cổ phần M** và các khoản chi phí phát sinh.

Tài sản thế chấp của bên vay theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 17/5/2024 gồm:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 58A, tờ

bản đồ số: 20, diện tích 58 m<sup>2</sup>, địa chỉ: thôn M, xã M, Huyện H, Tỉnh Thanh Hóa theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 064854, Sổ vào sổ cấp GCN: CH04845 do UBND Huyện H cấp ngày 18/05/2018 tên ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị G.

Qua xem xét thẩm định hiện trạng đúng như Hợp đồng thế chấp, các bên thống nhất kích thước, tứ cận theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có biến động gì và không đề nghị đo đạc lại.

Nếu tài sản thế chấp kê biên phát mãi không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Lê Văn P và Nguyễn Thị G vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng.

**3. Về án phí:** Ông Lê Văn P tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 14.653.000 đồng (*Mười bốn triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

Trả lại cho Công ty cổ phần M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.255.000 đồng (*Mười bốn triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003245 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

*4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**5.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự.
- TAND tỉnh Thanh Hoá
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Hậu Lộc.
- Chi cục THADS H.Hậu Lộc.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lường Thị Hoa**